

**BÁO CÁO**

**Về việc Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương**

Ngày 25 tháng 11 năm 2016, UBND tỉnh tổ chức phiên họp tháng 11 với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố nghe Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo các nội dung Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương. Căn cứ kết luận cuộc họp; Sở Tài nguyên và Môi trường, đơn vị tư vấn đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung vào Báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương.

Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Ban thường vụ Tỉnh ủy về Điều chỉnh Quy hoạch và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối nêu trên với các nội dung chính như sau:

**1. Tên quy hoạch:** Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương.

**2. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương**

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương nhằm cân đối lại nhu cầu đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh và mục tiêu phát triển các ngành, các lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh đến năm 2020, nhằm đảm bảo việc sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Làm cơ sở định hướng để Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**3. Hiện trạng sử dụng đất**

Theo số liệu kiểm kê đất đai đến 31/12/2015, tổng diện tích tự nhiên tỉnh Hải Dương là 166.823,90 ha; gồm:

a) Đất nông nghiệp: 107.341,93 ha, chiếm 64,34 % diện tích tự nhiên; trong đó: đất trồng lúa là 62.967,56 ha, chiếm 58,66 % diện tích đất nông nghiệp.

b) Đất phi nông nghiệp: 59.195,56 ha, chiếm 35,48 % diện tích tự nhiên.

c) Đất chưa sử dụng: 286,41 ha, chiếm 0,17 % diện tích tự nhiên.

Cơ cấu các loại đất cụ thể theo Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương kèm theo.

#### **4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất so với kế hoạch đã được duyệt đến năm 2015**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của tỉnh được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 28/3/2013. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt tỉnh Hải Dương đã thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Năm 2015, tỉnh Hải Dương đã thực hiện việc kiểm kê đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013, kết quả sau kiểm kê nhiều chỉ tiêu các loại đất đã có những thay đổi lớn so với kết quả thống kê đất đai trước đây. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Hải Dương sát với thực tế, kết quả thực hiện sẽ được đánh giá trên cơ sở chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng giữa các loại đất. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

##### **a) Đất nông nghiệp:**

Theo kế hoạch sử dụng đất 5 năm được duyệt, diện tích đất nông nghiệp được chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 7554,00 ha; thực hiện được 3.043,70 ha, đạt 40,29% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 4.510,30 ha chưa thực hiện.

Diện tích đất nông nghiệp đến 31/12/2015 được xác định là 107.341,93 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: theo kế hoạch 5 năm được duyệt, diện tích đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 5577,00 ha, trong đó: Chuyển sang đất phi nông nghiệp là 4.866,00 ha; thực hiện đã chuyển được 2.001,50 ha đạt 41,10%; Chuyển sang nội bộ đất nông nghiệp là 691,00 ha, thực hiện 663,24 ha đạt 95,98% so với kế hoạch được duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất trồng lúa có 62.967,56 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất trồng cây lâu năm được phép chuyển mục đích là 1.494,00 ha, trong đó được chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp là 1.404,00 ha; thực hiện chuyển được 151,99 ha, đạt 10,83%; đồng thời chuyển nội bộ đất nông nghiệp 90,00 ha; thực hiện được 85,00 ha đạt 94,44% so với kế hoạch được duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất trồng cây lâu năm có 19.498,00 ha.

- Đất rừng phòng hộ: theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích sử dụng là 262,00 ha sang mục đích phi nông nghiệp; thực hiện chuyển được 54,30 ha, đạt 20,73% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 207,70ha chưa thực hiện. Đến 31/12/2015 diện tích đất rừng phòng hộ có 4.655,98 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích là 23,00 ha; thực hiện chuyển được 1,19 ha, đạt 5,17% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 21,81 ha chưa thực hiện. Đến 31/12/2015 diện tích đất rừng đặc dụng có 1.542,59 ha.

- Đất rừng sản xuất: Theo kế hoạch 5 năm được duyệt diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng. Tuy nhiên, trong kỳ kế hoạch đất rừng sản xuất giảm 91,85 ha theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2015, do một phần diện tích được xác định lại là đất trồng cây lâu năm. Đến 31/12/2015 diện tích đất rừng sản xuất có 1.542,59 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất nuôi trồng thủy sản được phép chuyển mục đích sang các loại đất khác là 198,00 ha; kết quả thực hiện được 105,00 ha đạt 53%. Đồng thời đất nuôi trồng thủy sản được phép tăng là 922,00 ha; thực hiện 220,00 ha đạt 23% so với chỉ tiêu được phê duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất nuôi trồng thủy sản có 11.268,43 ha.

#### **b) Đất phi nông nghiệp:**

Theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất phi nông nghiệp được phép tăng là 7584,00 ha; trong đó lấy từ đất nông nghiệp 7554,00 ha và lấy từ đất chưa sử dụng là 30,00 ha. Kết quả thực hiện được 3.060,50 ha, đạt 40,35% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 4.523,50 ha chưa thực hiện. Đến 31/12/2015 diện tích đất phi nông nghiệp có 59.195,56 ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng: theo kế hoạch 5 năm được duyệt diện tích đất quốc phòng được phép tăng 520,00 ha; kết quả thực hiện được 0,27 ha, đạt 0,05% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 519,73 ha chưa thực hiện. Đây là chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ; kết quả giai đoạn 2011-2015 đất quốc phòng cơ bản chưa thực hiện. Đến 31/12/2015 diện tích đất quốc phòng có 643,70 ha.

- Đất an ninh: theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất an ninh được phép tăng 227,00 ha; thực hiện được 9,67 ha, đạt 4,26% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 217,33 ha chưa được đưa vào thực hiện. Đây là chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ, kết quả giai đoạn 2011-2015 đất an ninh thực hiện đạt kết quả thấp. Đến 31/12/2015 diện tích đất an ninh có 223,90 ha.

- Đất khu công nghiệp: theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất khu công nghiệp được phép tăng 1588,00 ha; kết quả thực hiện 58,29 ha, đạt 3,67% so với chỉ tiêu được phê duyệt, còn 1.529,71 ha chưa được đưa vào thực hiện. Hiện trạng đến 2015, tỉnh Hải Dương đã có 10 khu công nghiệp đã được triển khai thực hiện gồm: khu công nghiệp Nam Sách 63,93 ha; Khu công nghiệp Đại An 153 ha; Khu công nghiệp Phúc Điền 82,88 ha; Khu công nghiệp Tân Trường 198,06 ha; Khu công nghiệp Việt Hòa – Kenmark 46,4 ha; Khu công nghiệp Lai Vu 212,98 ha; Khu công nghiệp Cộng Hoà 201,23 ha, Khu công nghiệp Lai Cách 135,42 ha; Khu Công nghiệp Phú Thái 56,7 ha và khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền 149,31 ha. Đến 31/12/2015 diện tích đất khu công nghiệp có 1.543,40 ha.

- Đất cụm công nghiệp: theo kế hoạch 5 năm được duyệt diện tích đất cụm công nghiệp được phép tăng 676,00 ha; thực hiện được 299,96 ha, đạt 45,24% so

với chỉ tiêu được phê duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất cụm công nghiệp có 709,13 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: theo kế hoạch 5 năm được duyệt đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phép 558,00 ha; thực hiện 327,25 ha, đạt 58,65% so với chỉ tiêu được phê duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 2.590,67 ha.

- Đất phát triển hạ tầng: theo kế hoạch 5 năm được duyệt diện tích đất phát triển hạ tầng được phép tăng 2289,00 ha; thực hiện được 1.333,37 ha, đạt 58,25% so với kế hoạch được duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất phát triển hạ tầng có 23.585,42 ha.

### **c) Đất chưa sử dụng:**

Theo kế hoạch 5 năm được duyệt diện tích đất chưa sử dụng được giảm 136,00 ha; kết quả thực hiện sử dụng được 17,26 ha vào mục đích đất nông nghiệp, đạt 12,69% so với kế hoạch được duyệt. Đến 31/12/2015 diện tích đất chưa sử dụng có 286,41 ha.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2011-2015, phần lớn các chỉ tiêu được duyệt đạt dưới mức 50%, các loại đất đạt tỷ lệ thấp như: đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp, đất y tế, đất ở đô thị, đất ở nông thôn,... Bên cạnh đó cũng có những chỉ tiêu tỷ lệ thực hiện trên 50%, như: đất giao thông, đất sản xuất kinh doanh, đất thủy lợi,...

## **5. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Hải Dương (phụ lục 2- trang 33 của Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh)**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Hải Dương được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 42/NQ-CP, tổng diện tích tự nhiên tỉnh Hải Dương được xác định là 165.599 ha; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích tự nhiên của Tỉnh được điều chỉnh là 166.824ha (theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2015), tăng 1.224 ha so với quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu các loại đất được điều chỉnh cụ thể như sau:

### **a) Đất nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 28/3/2013 đến năm 2020 có 93.565,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 95.286,46 ha, tăng so với quy hoạch đã được duyệt là 1.721,46 ha. Lý do xác định cao hơn vì: Hiện trạng đất nông nghiệp sau kiểm kê đất đai năm 2015 tăng so với số liệu thống kê đất đai trước kiểm kê là 3.041ha và đồng thời đất nông nghiệp giảm so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (thống kê đất đai đến ngày 31/12/2015) là 12.055,47ha.

#### **\* Phương án điều chỉnh quy hoạch các loại đất nông nghiệp như sau:**

- Đất trồng lúa: diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt có 56.000,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 55.794,47ha, chiếm 58,55% diện tích đất nông nghiệp; giảm so với quy hoạch đã được duyệt

là 205,53 ha. Lý do giảm: điều chỉnh quy hoạch đã cân đối chỉ tiêu đất trồng lúa theo chỉ tiêu cấp Quốc gia phân bổ tại Văn bản số 1926/TTg-KTN ngày 02/11/2016 của Chính phủ; và đồng thời đất trồng lúa giảm so với hiện trạng năm 2015 là 7.173,09 ha. Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước được điều chỉnh đến năm 2020 là 54.166,03ha, giảm 6.980,40 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt có 2.242,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 2.433,94ha chiếm 2,55% diện tích đất nông nghiệp; tăng 191,94 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt, giảm 1.452,73 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích đất trồng cây lâu năm theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 13.931,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 16.512,79 ha chiếm 17,33% diện tích đất nông nghiệp; tăng so với quy hoạch đã được phê duyệt là 2.581,79 ha. Lý do xác định cao hơn: năm 2013 diện tích đất rừng được Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất lại, trong đó một phần diện tích đất rừng sản xuất (thuộc địa bàn thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn) được xác định lại là đất trồng cây lâu năm để phù hợp với thực tế địa phương, dẫn đến chỉ tiêu đất rừng sản xuất giảm và đất trồng cây lâu năm tăng lên. Đồng thời đất trồng cây lâu năm giảm 3.006,33 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất rừng phòng hộ: diện tích đất rừng phòng hộ theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 4.509,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 4.655,98 ha, chiếm 4,89% diện tích đất nông nghiệp, tăng 146,98 ha so với quy hoạch đã được duyệt và không biến động so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất rừng đặc dụng: diện tích đất rừng đặc dụng theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 1.503,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 1.514,81 ha chiếm 1,59% diện tích đất nông nghiệp; tăng so với quy hoạch đã được duyệt là 11,81 đồng thời giảm 27,78 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015. Diện tích giảm này chủ yếu quy hoạch cho mục đích đất danh lam thắng cảnh.

- Đất rừng sản xuất: diện tích đất rừng sản xuất theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 4.351,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 2.628,46 ha, chiếm 2,76% diện tích đất nông nghiệp; giảm so với quy hoạch đã được phê duyệt là 1.722,54 ha. Lý do xác định cao hơn: năm 2013 diện tích đất rừng sản xuất được Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất lại, trong đó một phần diện tích đất rừng sản xuất (thuộc địa bàn thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn) được xác định lại là đất trồng cây lâu năm để phù hợp với thực tế địa phương, dẫn đến chỉ tiêu đất rừng sản xuất giảm. Đồng thời đất rừng sản xuất giảm so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 là 550,12 ha, chủ yếu cho các mục đích an ninh, quốc phòng và phát triển cơ sở hạ tầng.

- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 10.467,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 10.648,26 ha, chiếm 11,17% diện tích đất nông nghiệp; tăng 181,26 ha so với

quy hoạch được phê duyệt, diện tích điều chỉnh cao hơn không nhiều. Như vậy đảm bảo với nhu cầu thực tế đăng ký của các địa phương. Đồng thời đất nuôi trồng thủy sản giảm 620,17 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 do một số huyện có nhu cầu chuyển đổi mô hình nuôi trồng thủy sản sang mục đích phát triển trang trại, điển hình một số huyện như: Tứ Kỳ, Nam Sách,.. bên cạnh đó một số khu, cụm công nghiệp đã sử dụng đất có cả đất nuôi trồng thủy sản cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...

#### **b) Đất phi nông nghiệp:**

Diện tích đất phi nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt cần 71.744,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 71.345,51 ha chiếm 42,77% diện tích tự nhiên toàn tỉnh; giảm so với chỉ tiêu đã được phê duyệt là 398,49 ha và tăng 12.149,95 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

#### **\* Phương án điều chỉnh quy hoạch các loại đất phi nông nghiệp như sau:**

- Đất quốc phòng: diện tích đất quốc phòng theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 917,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 diện tích có 981,23 ha, chiếm 1,38% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 64,23 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt. Lý do cao hơn: đây là chỉ tiêu cấp Quốc gia phân bổ, nay có bổ sung thêm một số công trình như: Xây dựng kho cất giấu vũ khí 12ha, công trình phòng thủ tỉnh Hải Dương 40ha và các công trình phòng thủ cấp huyện. Đồng thời đất quốc phòng tăng 337,53 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (có danh mục quy hoạch đất quốc phòng được thể hiện tại Phụ lục 11 của Báo cáo tóm tắt).

- Đất an ninh: diện tích đất an ninh theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 456,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 272,96 ha, chiếm 0,38% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy đất an ninh giảm 183,04 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt; Lý do giảm thấp hơn: Đây là chỉ tiêu cấp Quốc gia phân bổ, tuy nhiên trước đây không xác định được công trình cụ thể, nay xác định theo chỉ tiêu kiểm kê đất đai và nhu cầu thực tế danh mục công trình ngành an ninh đăng ký đến năm 2020. Đồng thời đất an ninh tăng 49,06 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (có danh mục quy hoạch đất an ninh thêm theo được thể hiện tại Phụ lục 12 của Báo cáo tóm tắt).

- Đất khu công nghiệp: diện tích đất khu công nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 3.738,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 3.513,73 ha chiếm 4,92% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy đến năm 2020 diện tích đất khu công nghiệp sẽ giảm 224,27 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt. Lý do giảm thấp hơn: Đây là chỉ tiêu cấp Quốc gia phân bổ, tuy nhiên, đến nay trên địa bàn tỉnh đã được Chính phủ cho phép điều chỉnh diện tích một số khu công nghiệp đến năm 2020 như sau: Khu CN Cộng Hòa (Chí Linh) điều chỉnh giảm từ 357ha, xuống còn 201ha; Khu CN Đại An giai đoạn 1 giảm từ 198ha xuống còn 153ha để chuyển sang đất ở đô thị; Khu CN Phú Thái điều chỉnh từ 72ha, giảm xuống còn 56ha. Đồng thời đất khu công nghiệp tăng 1.970,33 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (có danh mục quy hoạch đất khu CN kèm theo, thể hiện tại Phụ lục 6 của Báo cáo tóm tắt).

- Đất Cùm công nghiệp: diện tích đất cùm công nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 2.066,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 1.746,18 ha. Như vậy diện tích cùm công nghiệp giảm 319,82 ha so với quy hoạch đã được duyệt. Lý do giảm thấp hơn: theo quy hoạch được duyệt có 44 cùm CN trên địa bàn tỉnh, nay điều chỉnh xác định còn 42 cùm (theo Quy hoạch cùm CN tỉnh Hải Dương đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3140/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương), ngoài ra một số cùm CN đã có sự điều chỉnh giảm diện tích xuống 50ha (như cùm CN Nguyễn Giáp, cùm CN Cổ Dũng-Cộng Hòa,...) theo Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời đất cùm công nghiệp tăng 1.037,05 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (có danh mục quy hoạch đất cùm công nghiệp được thể hiện tại Phụ lục 7 của Báo cáo tóm tắt).

- Đất thương mại, dịch vụ: điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 877,35ha, chiếm 1,23% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là diện tích được tách từ chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất kinh doanh nên chỉ tiêu này không được thể hiện tại quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 2.607,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 3.345,85 ha, chiếm 4,69% diện tích đất phi nông nghiệp. So với quy hoạch đã được duyệt, đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng 738,85 ha. Lý do cao hơn: đây là chỉ tiêu cấp tỉnh tự xác định, diện tích tăng do nhu cầu đăng ký tăng của các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng 853,60 ha so với hiện trạng 2015 để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của các địa phương trên toàn tỉnh.

- Đất phát triển hạ tầng: diện tích đất phát triển hạ tầng theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 27.358,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 27.421,67ha, chiếm 38,44% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy diện tích đất phát triển hạ tầng tăng 63,67 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt và tăng 3.836,25 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015. Trong đó:

+ Đất giao thông: diện tích đất giao thông theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 13.114,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 16.527,97 ha, chiếm 23,17% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy đất giao thông tăng 3.413,97 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt và tăng 2.555,35 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (có danh mục quy hoạch một số công trình giao thông trọng điểm đến năm 2020 được thể hiện tại Phụ lục 8 của Báo cáo tóm tắt).

+ Đất thủy lợi: diện tích đất thủy lợi theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 10.899,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 8.070,69 ha, chiếm 11,31% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất thủy lợi giảm 2.828,31 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt và tăng 314,09 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (có danh mục quy hoạch một số công trình thủy lợi trọng điểm đến năm 2020 được thể hiện tại Phụ lục 9 của Báo cáo tóm tắt).

+ Đất công trình năng lượng: diện tích đất công trình năng lượng theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 627,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 428,97 ha, chiếm 0,60% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất công trình năng lượng giảm 198,03 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt và tăng 129,43 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (*danh mục quy hoạch một số công trình năng lượng trọng điểm đến năm 2020 được thể hiện tại Phụ lục 10 của Báo cáo tóm tắt*).

+ Đất cơ sở văn hóa: diện tích đất cơ sở văn hóa theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 345,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 117,83 ha. So với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt đất cơ sở văn hóa giảm 227,17 ha và so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015 tăng 74,37 ha.

+ Đất cơ sở y tế: diện tích đất cơ sở y tế theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 192,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 174,00 ha, chiếm 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất cơ sở y tế giảm 18,00 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt và tăng 47,99 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 1.140,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 1.078,31 ha, chiếm 1,51% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy, đất cơ sở giáo dục đào tạo giảm 61,69 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt và tăng 271,99 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt 850,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 779,32 ha, chiếm 1,09% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy, đất cơ sở thể dục thể thao giảm 70,68 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt, tăng 312,77 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất có di tích lịch sử, văn hóa: diện tích đất có di tích lịch sử, văn hóa theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 209,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 161,08 ha, chiếm 0,23% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất có di tích lịch sử, văn hóa giảm 47,92 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt và tăng 59,45 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 288,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 347,57 ha, chiếm 0,49% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy đất bãi thải, xử lý chất thải tăng 59,57 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt và tăng 181,73 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất ở nông thôn: diện tích đất ở nông thôn theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 12.332,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 13.174,32 ha, chiếm 18,47% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy đất ở nông thôn tăng 842,32 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt. Lý do tăng: nhu cầu đăng ký của các địa phương có sự điều chỉnh tăng để tạo nguồn xây dựng nông thôn mới, đồng thời đất ở nông thôn tăng 580ha theo số liệu thông kê đất đai năm 2015. Đất ở nông thôn giảm 756,51 ha so với hiện trạng sử dụng đất



năm 2015. Diện tích giảm do việc chuyển đổi đất ở nông thôn sang đất ở đô thị phục vụ công tác đô thị hóa mở rộng thành phố Hải Dương và phát triển các thị trấn, thị xã trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đất ở đô thị: diện tích đất ở đô thị theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 5.380,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 5.611,41 ha, chiếm 7,87% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất ở đô thị tăng 231,41 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt. Lý do tăng: thành phố Hải Dương bổ sung thêm một số dự án khu đô thị mới như Khu dân cư phía Bắc đường Nguyễn Lương Bằng, Khu dân cư Đá Mài, Khu dân cư Nhà máy sứ; Khu Lâm Viên, Khu dân cư Tân Phú Hưng đã điều chỉnh quy mô từ 42ha, lên 81 ha và một số điểm dân cư đô thị nhỏ lẻ thuộc địa bàn thị xã Chí Linh và các huyện. Đồng thời đất ở đô thị tăng 2.907,06 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015, do phát triển mạnh các khu đô thị và đất ở nông thôn chuyển sang khi tiến hành quy hoạch các đô thị. Bao gồm chủ yếu mở rộng các thị trấn của các huyện, chuyển từ xã lên phường ở các thị xã và thành phố (có danh mục quy hoạch các dự án khu dân cư đô thị kèm theo được thể hiện tại Phụ lục 4 của Báo cáo tóm tắt).

- Đất trụ sở cơ quan: diện tích đất trụ sở cơ quan theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 509,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 267,91 ha, chiếm 0,38% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy diện tích đất trụ sở cơ quan giảm 241,09 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt. Lý do thấp hơn: nhu cầu không giảm, tuy nhiên hiện trạng đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp giảm (theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2015). Đồng thời đất trụ sở cơ quan tăng 11,86 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: điều chỉnh quy hoạch đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đến năm 2020 là 41,40ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 8,61 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015. Đây là diện tích được tách từ chỉ tiêu đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nên nhu cầu này không được thể hiện tại quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 1.611,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định 1.600,30ha, chiếm 2,24% diện tích đất phi nông nghiệp. Như vậy, đất nghĩa trang, nghĩa địa giảm 10,70 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt và tăng 129,55 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ: diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 2.294,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 1.402,87 ha. Như vậy, diện tích sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ giảm 891,13 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt và tăng 432,60 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- Đất sông, ngòi: diện tích đất sông, ngòi theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 11.373,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 8.081,97 ha. Như vậy so với quy hoạch đã được duyệt diện tích giảm 3.291,03 ha và giảm 94,90 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

**c) Đất chưa sử dụng:**

Diện tích đất chưa sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt có 290,00 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 xác định là 191,93 ha. Như vậy diện tích đất chưa sử dụng giảm 98,07 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt và giảm 94,48 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015. Như vậy là phù hợp với mục tiêu khai thác đất chưa sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chỉ tiêu thống kê đất đai hiện trạng.

**d) Một số chỉ tiêu quan sát:**

Xây dựng 07 thị trấn mới (thị trấn: Thanh Quang - huyện Nam Sách; Cộng Hòa - huyện Kim Thành; Thanh Cường - Huyện Thanh Hà; Hưng Đạo, Nguyễn Giáp - huyện Tứ Kỳ; Quang Minh - huyện Gia Lộc; Đoàn Tùng - huyện Thanh Miện) với quy mô dân số trung bình của các thị trấn mới khoảng 7- 8 nghìn người.

Thị xã Chí Linh nâng cấp lên thành phố (đô thị loại III) sẽ có 6 xã thành phường (xã Tân Dân, Cổ Thành, Hoàng Tiên, An Lạc, Văn Đức, Đồng Lạc).

Huyện Kinh Môn nâng cấp lên thị xã (đô thị loại IV), có 3 thị trấn (TT.Minh Tân, TT.Phú Thứ và TT.Kinh Môn) và 2 xã (Hiệp An, Hiệp Sơn) được chuyển thành phường.

Mở rộng thành phố Hải Dương để trở thành đô thị loại I, với việc lấy vào 08 xã của các huyện liền kề gồm: Ngọc Sơn – huyện Tứ Kỳ; Liên Hồng, Thống Nhất, Gia Xuyên – huyện Gia Lộc; Đồng Lạc, Minh Tân – huyện Nam Sách; Quyết Thắng, Tiên Tiến – huyện Thanh Hà.

\* Chi tiết diện tích điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh (*phụ lục 2,3- trang 33 đến trang 36 của Báo cáo tóm tắt*).

**6. Các giải pháp thực hiện:**

Xác định ba nhóm giải pháp lớn: giải pháp về công tác quản lý, giải pháp về đầu tư, giải pháp về cơ chế chính sách; chi tiết như trong Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương.

Trên đây là các nội dung Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy. *HLN*

**Nơi nhận:**

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*để báo cáo*);
- Các thành viên BCS Đảng UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (*Ô. Hôn; Ô. Hải*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT. (*NN-TN&MT 65b*) *lv*

**TM. BAN CÁN SỰ ĐẢNG  
ỦY VIÊN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Nguyễn Anh Cường**